TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2019/ HNGĐ-ST
Ngày 22 /03/2019
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thìn, ông Nguyễn Quang Vinh .

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22/03/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐTS- HNGĐ ngày 12/03/2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1971.

ĐKHKTT: Đ, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn K, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Anh và cô Lê Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 29/05/2017 tại UBND xã P, huyện Lạng Giang, trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn cô T ở nhà anh một thời gian, vào ngày 23/06/2019 cô T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Nguyên sinh sống, anh có gọi điện nhiều lần nhưng cô T có nói sẽ không về chung sống với anh nữa, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm giành cho nhau, không quan tâm đến nhau, anh có đề cấp chuyện ly hôn cô T đồng ý ly hôn, cô T đã có đơn đề nghị Tòa án huyện Lạng Giang giải quyết ly hôn giữa anh và cô T. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với cô T.

- Về con chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Tcó bản tự khai và trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H có tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 29/05/2017 tại UBND xã P, trước khi cưới được tự nguyện kết hôn.Quá trình chung sống vài ngày đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, chị đã bỏ về bố mẹ để ở Thái Nguyên sinh sống từ tháng 7/2017 cho đến nay, chị đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang giải quyết cho chị và anh H ly hôn, đến nay vợ chồng tình cảm không còn, anh Hxin ly hôn chị đồng ý.

Do điều kiện công việc và ở xa chị xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn H có đơn xin từ chối hòa giải nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xin vắng mặt tại phiên, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hợi, chị Tuyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Chị Tvà anh H có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện lạng Giang giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự..

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Chị T, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt,hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định tại điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn H và chị Lê Thị T đã đăng ký kết hôn vào ngày 29/05/2017 tại UBND xã P, huyện C. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của anh H trình bày vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 7/2017 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau, tại bản tự khai chị T cũng có ý kiến chị và anh H không sống với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay và không còn tình cảm giành cho nhau, chị T và anh H đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng

không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho anh H được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5].Về án phí: Anh H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Anh Hoàng Văn Hi được ly hôn chị Lê Thị T.

[2]. Án phí: Anh Hoàng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006933 ngày 31/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh Hđã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Quyền kháng cáo: Anh H, chị T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã P.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Lê Thu Hà